

## PHẦN BA

### KHU CHẾ XUẤT VÀ VIỆT NAM SAU CHIẾN TRANH

Trong chương đầu tiên đã trình bày khái quát tình hình kinh tế ở Việt Nam. Chương thứ hai, chúng ta đã điểm qua quá trình phát triển của KCX và hoạt động của Khu Chế Xuất Kaohsiung ở Đài-Loan. Nhiệm vụ bây giờ là áp dụng mô hình KCX vào Việt Nam. Nói cách khác, chúng ta sẽ tạo ra khu đó ở Việt Nam như thế nào? Những vấn đề quan trọng nào liên quan đến nhiệm vụ này?

Những thành tựu của KCX thực sự đã gây ra một ấn tượng sâu sắc "Một cái máy làm ra tiền" có lợi như vậy quả là điều mà tất cả các nước đang phát triển rất cần. Tuy nhiên, người ta không thể xây một mô hình đúng như mẫu và hy vọng có được thành công ngay. Trong chương này, chúng ta sẽ tập trung vào một số vấn đề nổi nhất mà ta phải đương đầu khi đưa KCX vào Việt Nam. Những yếu tố này sẽ được trình bày thành ba phần, cụ thể là xây dựng một môi trường đầu tư thuận lợi, chuẩn bị lập ra khu và quản lý khu đó.

#### I. XÂY DỰNG MỘT MÔI TRƯỜNG ĐẦU TƯ THUẬN LỢI

Đây là việc đầu tiên và có lẽ là yêu cầu quan trọng nhất phải được xét đến trước khi tiến hành những bước khác. Những yếu tố kể cả điều hành được cũng như không thể điều hành ảnh hưởng nhiều đến không khí đầu tư cơ bản là:

##### A. ỔN ĐỊNH VỀ CHÍNH TRỊ

Dưới con mắt của người đầu tư nước ngoài, vốn của họ được an toàn luôn luôn là vấn đề cần cùn xét đầu tiên khi quyết định đầu tư vào bất kỳ nước đang phát triển nào, kể cả Việt Nam. Một chương trình đầu tư của người nước ngoài có thành công hay không phần lớn còn do mức độ ổn định chính trị quyết định trong lĩnh vực này, kinh nghiệm của Đài-Loan là điều đáng chú ý.

Việc các nhà đầu tư nước ngoài đổ xô vào Đài-Loan trong thập kỷ 60 gọi cho chúng ta giai đoạn về cuộc Đổ xô tìm vàng ở Hoa-Kỳ vào đầu thế kỷ. Năm 1960 mới có 36 triệu đô la Mỹ làm vốn đầu tư vào 87 xí nghiệp. Năm 1970 đã có trên 560 triệu đô la Mỹ đổ vào trên 1.600 xí nghiệp. Tuy vậy, kể từ 1971 làn đầu tiên trong hơn một thập kỷ,

vốn đầu tư của nước ngoài ở Đài-Loan bị suy giảm. Trong sáu tháng đầu năm 1971 chỉ có 70 xí nghiệp được đầu tư trị giá 39,5 triệu đô la Mỹ là vốn đầu tư của nước ngoài ở Đài-Loan, giảm 38% so với cùng thời kỳ năm 1970. Sự suy giảm đột ngột đó là do tương lai chính trị xung quanh Đài-Loan không ổn định trong thời kỳ này. Mặc dù các quan chức thương mại Mỹ đã có nhiều cố gắng đảm bảo và bất chấp cả lời tuyên bố của Bộ trưởng Bộ Ngoại Giao Hoa-Kỳ, William Rogers, rằng chính phủ Hoa-Kỳ sẽ làm mọi việc để duy trì được tư cách thành viên của Cộng Hòa Trung-Hoa tại Liên Hiệp Quốc, các nhà đầu tư có tiềm năng cũng như những người có kế hoạch mở rộng hoạt động của họ ở Đài-Loan đều ngừng lại để chờ xem điều gì sẽ xảy ra. Các công ty tin vào lợi ích lâu dài từ mối quan hệ thương mại mới nới lên với lục địa Trung-Hoa đã hoãn kế hoạch đầu tư của họ ở Đài-Loan, vì chính sách hiện nay của Cộng Hòa Nhân Dân Trung-Hoa là cấm các công ty có quan hệ buôn bán với Đài-Loan hoặc Nam Triều Tiên không được buôn bán với Trung-Hoa lục địa.

Việc phát triển của các KCXK mới ở Đài-Loan đã bị ảnh hưởng nhiều. KCXK thành công to lớn là điều đã khích lệ chính phủ quyết định thành lập thêm hai khu nữa, một khu ở Nantze và một khu khác ở Taichung. Khu Chế Xuất Nantze dự kiến tìm ra việc làm cho 40.000 công nhân ở 200 xí nghiệp xuất khẩu với tổng số vốn đầu tư là 30 triệu đô la Mỹ và mở rộng ngoại thương bằng tổng doanh số hàng năm lên tới 120 triệu đô la Mỹ. Tuy nhiên mặc dù tình hình đó người ta vẫn xây dựng một hạ tầng cơ sở gồm đường sá và nhà máy thuộc vào loại một nhưng chỉ có được 1.300 người đã được thuê làm việc ở khu này. Khu Chế Xuất Taichung cũng tương tự như vậy đã dự tính tạo ra 10.000 việc làm nhưng cũng chỉ có dưới 1.200 công nhân đã tìm được việc làm. Các nhà đầu tư nước ngoài cũng đã đến kết luận rằng thả thu được lợi nhuận ít nhưng được an toàn hơn và có được môi trường ít bị ảnh hưởng chính trị hơn như Singapore, Hồng-kông và Malaysia.

Đối với Việt Nam, quá trình đưa đến một nền hòa bình lâu dài đã diễn ra rất chậm và đau thương. Nhiệm vụ trước mắt là xây dựng Việt Nam thành một hình ảnh thuận lợi và có quan hệ hữu nghị với các nước trên thế giới đặc biệt là ở khu vực Á Châu-Thái Bình Dương. Nhìn trở lại một lịch sử có bốn ngàn năm của Việt Nam, một trăm năm bị lãng phí dưới ách đô hộ của người Pháp và cuộc nội chiến tiếp theo tuy chỉ là một khoảng thời gian ngắn ngủi. Tuy vậy, trong khi động lực phát triển về mọi lĩnh vực từ kiến thức đến

thành tựu trên thế giới đã tăng tốc một cách ghê gớm trong những thập kỷ vừa qua và chúng ta không thể cho phép bị bỏ lại phía sau.

Trái với quá khứ khi một nước thống trị nước khác bằng lực lượng quân sự, cuộc chiến hiện đại này là trên mặt trận kinh tế và nếu thi hành những chính sách sai lầm, Việt Nam có thể bị sa vào một cái bẫy nghèo đói vĩnh cửu và nô lệ về kinh tế mà về hình thức không khác với chế độ nô lệ trong quá khứ.

Bất kỳ hình thức chính phủ nào sau khi chiến tranh chấm dứt, điều cấp bách là Việt Nam phải là một thành viên (công dân) tốt của thế giới nếu như mục tiêu chính của chính phủ đó là nhằm cải thiện phúc lợi của nhân dân họ. Duy trì một mối quan hệ tốt với tất cả các dân tộc khác trên thế giới là một chiến lược chủ chốt để tạo ra một thế ổn định chính trị thuận lợi, có như vậy mới thu hút được sự hỗ trợ kinh tế và đầu tư vào Việt Nam.

## **B. MỘT BỘ LUẬT ĐẦU TƯ HẤP DẪN**

Ngoài thế ổn định về chính trị một tiêu chuẩn quan trọng kế tiếp theo phái là một bộ luật đầu tư, yếu tố này phải được coi là có thể điều hành được. Trên thực tế có nhiều lĩnh vực khác liên quan đến việc thành lập một khu mới, tuy nhiên luật đầu tư không còn nghĩ ngò gì nữa là một tiêu chuẩn cần xem xét đầu tiên vì luật này đối với những nhà đầu tư nước ngoài là những chỉ dẫn về chính sách quốc gia và thái độ của nước đó đối với việc đầu tư của nước ngoài, v.v..

Loại trừ những bất ổn định về chính trị gần đây, thành công của KCXK một phần là nhờ vào thực tế của không khí đầu tư ở Đài-Loan đã tỏ ra hấp dẫn ngay từ ban đầu. Trong một thời gian khá lâu Đài-Loan đã không những cho phép người nước ngoài lập những xí nghiệp thuộc quyền sở hữu của họ 100% mà còn khẳng định khuyến khích họ nên làm như vậy. Lợi nhuận có thể được hồi hương hết và sau hai năm sản xuất công ty đó có thể hồi hương cả vốn đầu tư của họ ở mức 15% hàng năm. Hơn nữa họ còn được đảm bảo không bị tịch thu nữa. Nên thực tế đây là một loại khuyến khích để đạt được phát triển. Luật đầu tư mới của Nam Việt Nam ban hành vào tháng tư năm 1972 thay cho bộ luật trước đó hiệu lực từ năm 1963 đã cố gắng đề ra những khuyến khích tương tự. Ví dụ các xí nghiệp có người nước ngoài tham gia được miễn nhiều loại thuế, phí và thuế hải quan trong một thời hạn là năm năm sau khi bắt đầu hoạt động. Ưu đãi này có thể được

keo dài thêm năm năm sửa và chính phủ còn chưa hẹn sẽ không quốc hữu hóa hoặc tham gia cạnh tranh với những xi nghiệp này. Trong cung một ý nghĩa các nước đang phát triển đã cạnh tranh với nhau để thu hút người đầu tư nước ngoài bằng cách nói rộng luật đầu tư của họ. Vấn đề ở đây là có hợp lý và cần thiết để cạnh tranh như vậy hay không.

Trừ khi nước đang phát triển có thể lập ra một sự hiểu biết thông cảm giữa họ với nhau trên một chính sách chung đối với vấn đề đầu tư của nước ngoài, việc nước nọ đề ra những lợi ích miễn thuế rộng rãi hơn nước khác để cạnh tranh trên thực tế là biện pháp không sáng suốt. Sự cạnh tranh như vậy chỉ dẫn đến một điểm là phải hy sinh thu nhập nhiều hơn mà không tăng thu hút thêm được vốn vào nước đó. Hơn nữa, người ta thấy là lợi ích về thuế đã không giữ vai trò có ý nghĩa trong việc thu hút người đầu tư. "Theo khảo sát kinh nghiệm ở México trước 1959 thì đã không một ví dụ nào chứng tỏ việc miễn thuế đã là một yếu tố quyết định, và trong hầu hết các trường hợp vấn đề này đều không được xem xét đến. Các cuộc khảo sát ở Achtenin, Costa Rica, Jamaica đều tỏ ra tương tự và Hoa Kỳ đã ủng hộ quan điểm này và xác nhận là việc xem xét đến thuế chỉ có vai trò giới hạn."

Tuy nhiên quan điểm này đã không được chấp nhận một cách phổ biến và, trong một nội dung toàn cục, người đề ra chính sách phải phân dầu sao để vạch ra được những khuyến khích trong đầu tư được thực tiễn và tối ưu. Luật đầu tư phải được soạn thảo một cách kỹ càng trong khuôn khổ của chính sách quốc gia thống nhất. Như vậy mục tiêu cuối cùng của ta là gì? và chiến lược của ta là gì? Chung ta nên rút ra những kinh nghiệm của Đài-Loan. Trường hợp của họ, có người đã lập luận rằng luật đầu tư tự do của Đài-Loan là một bộ phận trong chiến lược "quốc tế hóa" đất nước để đối phó với mọi đe dọa của Trung Hoa lục địa đang nhằm cản lấp Đài-Loan trên vùi đại toàn cầu.

Một yếu tố biến động chủ chốt thứ hai là điều kiện kinh tế và xã hội của một đất nước. Trong chứng mục nào người ta cho phép những ảnh hưởng của nước ngoài được thâm nhập và tác động đến cơ cấu kinh tế xã hội của Việt Nam. Bằng cách mở cánh cửa rộng với các công ty nước ngoài, người ta hy vọng rằng với phương pháp này nếu thành công sẽ tạo ra một sự hợp nhất nguồn tài năng của các nhà tư doanh địa phương. Các nhà kinh doanh nước ngoài sẽ kích thích việc cạnh tranh và bắt chước và tạo ra những dịp để nhân dân địa phương tiếp thu được kỹ thuật công nghiệp và kinh nghiệm quản lý. Đây là một mô hình phát triển đã thấy được ở nhiều nước áp dụng nhưng khó có thể thực hiện

được ở nơi nào có một khoảng cách giữa trình độ kỹ thuật và giáo dục của người nước ngoài và người địa phương bị chênh lệch quá lớn. Khi người nước ngoài vượt quá xa và có thể trở nên cố thủ thì người dân địa phương sẽ gặp phải khó khăn để xâm nhập vào lĩnh vực nào đó.

Một chính sách có ý đồ tốt nhưng bị quản lý thực hiện tồi sẽ không được thực thi và có thể phát sinh ra hậu quả ảnh hưởng sâu sắc và dẫn đến bế tắc trong tương lai. Nước đó sẽ mau chóng bị sa vào một hình thức bị nước ngoài thống trị-lần này không phải bằng quân sự hay chính trị mà là phụ thuộc kinh tế!

### C. MỘT MÔI TRƯỜNG THUẬN LỢI CHO NHÀ KINH DOANH ĐỊA PHƯƠNG

Cuối cùng nhưng không phải là hết, chính phủ phải khuyến khích động viên và khắc sâu một tinh thần kinh doanh trong những nhà đầu tư địa phương. Tầng lớp người đặc biệt này là những người dám chịu những rủi ro, thử nghiệm những suy nghĩ mới và dám kinh doanh theo phương án mới. Họ là những người sẽ làm cái cầu nối giữa nhà đầu tư nước ngoài và nhà sản xuất trong nước, và qua các liên doanh với bên ngoại, các nhà kinh doanh địa phương sẽ là con đường truyền những kỹ thuật và nghiệp vụ, đây mới là thực chất của chính sách KCN. Khi ngay từ đây, khu này chỉ bao gồm các đơn vị nước ngoài như vậy sẽ không truyền đạt được nhiều giá trị sang nền kinh tế địa phương ngoài việc sử dụng lao động rẻ tiền.

Có câu giải cấp Việt Nam vẫn còn ăn sâu trong giá trị truyền thống. Các nhà thương gia và kinh doanh vẫn còn bị xã hội không ưa thích. Đa số trong nhân dân đã được tạo thành nếp suy nghĩ làm sao trở thành một trí thức. Đó là một lý tưởng trong cuộc đời và vì vay cả hệ thống giáo dục đã được điều hành hướng về sản xuất những viên sĩ. Những người không thành đạt trong dòng học viện đã phải ổn định trong các trường học nghề hoặc kỹ thuật luôn luôn bị coi thường. Tinh thần kinh doanh đã bị bóp nghẹt do niềm tin rằng họ không được theo đuổi một dòng cơ vụ lợi. Kết quả là trong quá khứ cộng đồng người Hoa đã dần dần kiểm soát hầu hết mọi ngành thương mại và công nghiệp. Đây là một vấn đề ăn sâu trong cõi tể và phải được cải tiến bằng những cố gắng tự giác của chính phủ qua các chương trình giáo dục khác nhau và các biện pháp đặc biệt nhằm động viên các nhà kinh doanh địa phương. Không thể nhồi nhét cho thanh niên những tư tưởng

là mục tiêu của cuộc đời họ là phải chịu khó học tập để có một việc làm ổn định và hưởng lương cao. Thay vào đó họ phải được khuyến khích để ra đời tự lực và bước vào kinh doanh độc lập. Những điển hình mới về những người làm kinh tế giỏi (anh hùng kinh tế) nên được đưa thành gương mẫu và giới thiệu bằng báo chí và chương trình giáo dục công cộng. Ví dụ, những câu chuyện về người Nhật đã di cư trong kinh doanh và học thuyết của họ nên dịch và truyền bá và nên mời họ sang thăm và giới thiệu những kinh nghiệm của họ với Việt Nam. Trong khi hầu hết những biện pháp trên sẽ chỉ có được kết quả về lâu dài, trên cơ sở ngắn hạn những cộng đồng Việt Nam ở nước ngoài đã va chạm với những cách làm và những nguyên lý trong kinh doanh ở nước ngoài vẫn có thể phục vụ bằng cách gộp tài năng và vốn để sử dụng được ngay miễn là họ tin vào sự mong muốn và ý định chân thành và thực sự của chính phủ. Tương tự như những người Do Thái và cộng đồng Hoa kiều ở nước ngoài, quần chúng người Việt Nam ở nước ngoài thể hiện một sinh lực tối hạn cho Việt Nam trong tương lai. Cần phải có sự quan tâm đặc biệt để có thể thu hút được họ, lôi kéo được tài năng và vốn của họ trong việc phát triển các dự án đầu tư cả trong và ngoài KCX.

## II. CHUẨN BỊ CHO VIỆC LẬP KHU

Một khi đã có quyết định thành lập KCX, có rất nhiều nhiệm vụ để triển khai. Trong phạm vi còn giới hạn của luận án này chúng tôi xin tập trung vào một vài điểm quan trọng như vị trí của khu, việc đầu tư xây dựng, những khuyến khích được đề ra và lựa chọn các nhà đầu tư và sản phẩm để xuất khẩu.

### A. VI TRÍ CỦA MỘT KHU CHẾ XUẤT

Một trong những bước đầu để xây dựng một khu là lựa chọn địa điểm để xây dựng. Căn cứ vào kinh nghiệm của Đài-Loan và Nam Triều Tiên, địa điểm tốt nhất phải có ít nhất các đặc tính sau đây :

1. Thuận lợi về địa lý: Khu này phải được đặt trong hoặc gần với cảng tàu cỡ lớn có thể ra vào, có thiết bị bốc xếp hàng và vật liệu lên xuống để chở ra nước ngoài.
2. Có phương tiện vận tải: Trong trường hợp KCX, vận tải nội địa bằng đường sắt và đường bộ cao tốc nối Kaohsiung với những thành phố lớn là hết sức thuận tiện, như vậy sẽ dễ dàng cho vận tải hàng xuất khẩu nội địa vào khu.

### 3. Nguồn cung cấp lao động dồi dào ở địa phương xung quanh.

Tháng ba năm 1965, KCX đầu tiên ở Ấn Độ được khai trương ở Kandla cách Bombay 330 dặm, gần phía đầu vịnh Kutch. Khu Kandla tuy vậy chưa phải là một thành công lớn. Khu có trên 180 lô để xây dựng nhà máy nhưng ngay vào năm 1971 gần sáu năm sau khi hoàn thành mới có trên 12 đơn vị hoạt động trong khu. Kadla là một cảng có thủy triều và cảng thường xuyên bị ván đê phù sa gây trở ngại. Ngoài ra cảng chỉ được nối với Ahmedabad bằng một tuyến đường sắt hẹp có một mét ngang. Nhiều tàu biển đã không được vào cảng Kandla trừ khi chở ở mức tối thiểu là 300 tấn hàng do đó không có đủ trọng tải để vận chuyển.

Vấn đề lựa chọn một khu như vậy không chỉ giới hạn vào một số đặc tính cơ bản nói đến trên đây. Việc phát triển một KCX còn phải được coi như là một sức thúc đẩy với việc phát triển một vùng rộng lớn hơn xung quanh khu. Với số lượng ví dụ 40.000 công nhân liên quan trực tiếp trong khu, chúng ta phải nhân lên với ba hoặc bốn để bao gồm cả gia đình kế cận, và cả một cộng đồng mới phải được xây dựng để đảm bảo các hoạt động hỗ trợ: chợ, trường học, bệnh viện, nhà thờ, hệ thống vận tải v.v.. Hơn nữa, những công nghiệp mới của địa phương sẽ phải thiết lập để sản xuất hàng hóa xuất khẩu vào khu. Do đó việc lựa chọn một vị trí để lập khu chế xuất là một vấn đề có tầm quan trọng lớn.

Đối với Việt Nam, người ta cảm thấy một vài căn cứ quân sự của Hoa Kỳ cũ có thể được hoán cải thành KCX. Một trong số đó là Long Bình, một thời là căn cứ quân sự của Hoa Kỳ lớn nhất ở ngoài Hoa Kỳ. Căn cứ này gồm 387 acres (1acre = 0,4 ha) ở vị trí 18 dặm phía Đông bắc của Sài Gòn, 18 dặm cách sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, năm dặm cách sân bay Biên Hòa và ba dặm cách cảng Long Bình rất thuận tiện. Bản thân căn cứ chứa đựng bên trong một thị xã có đường xá, nguồn cấp nước, điện và hệ thống công rãnh, tuyến dây điện thoại riêng của nó. Ngoài những hạ tầng cơ sở đó căn cứ có hàng trăm ngôi nhà làm việc, kho tàng, các liên hợp nhà cửa. Hơn nữa khu vực xung quanh còn có một lực lượng lao động dồi dào và kinh nghiệm trước đây đã được các nhà thầu khoán quân sự và dân sự Hoa Kỳ sử dụng do đó họ quen thuộc với kỹ thuật và lý thuyết quản lý của Tây phương.

Trên giấy tờ, có vẻ như Long Bình là một địa điểm dự tuyển lý tưởng. Tuy vậy, xét về hậu quả lâu dài của kế hoạch đó có vẻ như vẫn còn nhiều điều bất lợi: Trong những năm

chiến tranh, hàng trăm ngàn người đã phải trốn từ nông thôn vào Sài Gòn để tìm nơi an toàn hơn. Dân số Sài Gòn và các vùng kế cận sát cạnh đã tăng lên gấp bội trong năm năm qua, và cùng với vấn đề này còn phát sinh nhiều loại vấn đề không thể giải quyết được như: ô nhiễm, phương tiện công cộng thiếu thốn, thiếu nhà ở, dân số quá đông v.v.. Việc xây dựng một khu ở gần Sài Gòn sẽ không làm giảm nhẹ những vấn đề này mà chỉ làm cho thêm khó khăn trong việc giải quyết về lâu dài. Hơn nữa, so với nhiều khu vực khác ở Việt Nam Sài Gòn đã được phát triển khá xa. Ưu tiên trong việc lựa chọn địa điểm của khu phải được dành cho những vùng khác để đạt được sự phát triển cân bằng cho cả nước. Nói cách khác, trong tình hình hiện nay, có thể là một ý kiến hay là nên xây dựng một khu đầu tiên ở Miền Nam như là một trường hợp thử nghiệm để thu hút nhà đầu tư nước ngoài. Dựa trên kinh nghiệm của khu này để lập một khu thứ hai ở Miền Bắc ví dụ như Hải Phòng ngay sau đó.

### B. DẦU TƯ XÂY DỰNG MỘT KHU CHẾ XUẤT

Ngay cả khi Việt Nam có kế hoạch hoán cải một vài căn cứ trước đây của Hoa Kỳ thành một khu mới, chi phí trong xây dựng các tiện nghi cần thiết sẽ là một gánh nặng cho chính phủ, đặc biệt là khi cán cân thanh toán đã bị nhiều khó khăn trong một thời gian dài. Một lần nữa chúng ta lại phải xem ở KCXK của Đài Loan người ta đã phải làm gì trong vấn đề này. Số tiền đầu tư vào xây dựng hạ tầng cơ sở và các nhà xưởng tiêu chuẩn lên tới tổng số 7,7 triệu đô la Mỹ gồm các nguồn sau đây:

- 45% từ Quỹ Trung Mỹ về Phát triển kinh tế và xã hội.
- 25% từ Ngân hàng Thông tin liên lạc và Ngân hàng Địa thổ Đài Loan.
- 30% của Ngân hàng Trung ương Đài Loan.

Tìm ra nguồn góp quỹ cho phương án thực tế là một nhiệm vụ quan trọng đối với người lập kế hoạch. Một phương án được đề ra là tìm kiếm một vai trò tổ chức quốc tế có thể cung cấp một loại bảo lãnh với người đầu tư nước ngoài về mức an toàn của vốn đầu tư của họ. Chúng ta có thể hướng về Ngân Hàng Thế Giới, Ngân hàng Phát triển Á châu, một vài quỹ phát triển Châu Âu và Nhật để thực hiện mục đích này.

### C. KHUYẾN KHÍCH ĐỐI VỚI NGƯỜI ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

Trong lĩnh vực này chúng ta sẽ gặp phải một số lập luận về cơ bản như trong trường

hợp giới thiệu về luật đầu tư trên đây. Tuy vậy, các bước cơ bản sau đây phải được xem xét để đi đến một loạt những khuyến khích.

- Điểm lại các loại khuyến khích được đề ra trong những khu tương tự ở Đông Nam Á.

- Xác định được phạm vi ảnh hưởng của những khuyến khích này trong thành công của họ.

- Đến một số dự kiến về các biện pháp khuyến khích, sửa đổi bổ xung theo các yêu cầu hoặc giới hạn do chính sách nhà nước, địa điểm địa dư thuận lợi của đất nước, thế ổn định chính trị v.v..

- Nghiên cứu những hiệu quả kinh tế của các biện pháp này và các hậu quả lâu dài có thể ảnh hưởng đến các hoạt động khác. Đây chỉ là một số bước cơ bản. Tuy nhiên, điều thú vị là trên thực tế việc tự do hóa một bộ luật và quy định thêm những ưu đãi dễ hơn là giới hạn hoặc hủy bỏ những quy định hiện có.

#### D. LỰA CHỌN NHỮNG SẢN PHẨM CÓ THỂ XUẤT KHẨU ĐƯỢC

Chúng ta có thể quyết định những sản phẩm nào được chấp nhận để sản xuất trong khu và sản phẩm nào thì không được như thế nào ? Câu trả lời hiển nhiên là tiềm năng xuất khẩu và số lượng giá trị cộng thêm qua quá trình sản xuất trong nước. Quyết định này không thể chỉ căn cứ trên những giả định mơ hồ hoặc phân tích hời hợt mà yêu cầu phải được nghiên cứu cẩn thận tất cả các vấn đề liên quan, đặc biệt là kinh nghiệm của các nước KCX khác ở Á châu, đặc biệt là KCXK.

#### E. LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

Vấn đề được nêu ra ở đây không phải là khả năng tài chính hoặc đánh giá độ tin cậy của một nhà đầu tư tương lai nào mà quan trọng là phải có được danh sách cân đối giữa các nhà đầu tư từ các nước khác nhau có liên quan.

Chiều hướng suy giảm trong đầu tư của Đài Loan năm 1971 được coi là hậu quả của thế bất ổn định trong môi trường chính trị. Tuy vậy, vẫn còn một lý do quan trọng khác: Hầu như một nửa tổng số vốn đầu tư nước ngoài ở Đài Loan từ Hoa Kỳ lên tới 250 triệu đô la Mỹ năm 1970. Ảnh hưởng chủ yếu của chiều hướng giảm này đã không phải do quan hệ ngoại lạnh giữa Hoa Thịnh đốn và Đài Bắc mà cũng còn do tình hình đình đốn ở

Hoa Kỳ vào thời kỳ này.

Trong số những khu mới được xây dựng ở Á châu thì KCX Masan (KCXM) cũng được xếp vào hàng đầu trong danh sách của các khu đạt được thành công. Đầu vào giữa năm 1971, sau năm đầu tiên hoạt động, đã có 53 xí nghiệp. Tuy vậy các quan chức của KCXM tỏ ra quan tâm một cách thẳng thắn về mức độ thống trị của Nhật ở trong khu. Trong số 53 xí nghiệp, có 38 xí nghiệp là của các nhà đầu tư Nhật sở hữu và 8 là hợp doanh giữa Nhật và các nhà đầu tư Triều Tiên, làm cho số xí nghiệp hoan toàn hoặc một phần thuộc quyền sở hữu của Nhật lên tới 46. Còn lại có 4 xí nghiệp của nhà đầu tư Hoa Kỳ, 2 hợp doanh Hoa Kỳ - Triều Tiên và 1 xí nghiệp của Hồng Kông (Xem phụ lục 1 về danh sách công ty và sản phẩm và tổng số đầu tư ở KCXM). Lý do về sự thống trị này của Nhật là do ký kết một hiệp ước đánh thuế hai lần giữa Nhật và Triều Tiên vào tháng Ba năm 1970 làm cho các nhà đầu tư Nhật được quyền hưởng việc miễn thuế theo quy định trong luật Thu hút vốn nước ngoài của Triều Tiên. Do đó thắng lợi của KCXM còn phụ thuộc một phần lớn vào mối quan hệ hai bên cũng như điều kiện kinh tế của Nhật.

Tình hình thống trị này thực sự là không lành mạnh. Do đó cần phải xem xét đến việc giới hạn về số lượng hoặc loại người đầu tư hoặc về số lượng vốn đầu tư của bất kỳ một nước nào (nếu được phép lựa chọn). Một vài hậu quả đó sẽ không tránh được và vấn đề này đã trở thành một sự thách thức nữa đối với các nhà kế hoạch của KCX để giải quyết.

### III. QUẢN LÝ MỘT KHU CHẾ XUẤT

Chúng ta thảo luận sang việc quản lý hành chính của khu và chính sách lao động.

#### A. TỔ CHỨC CỦA MỘT KHU CHẾ XUẤT

Một trong những trò ngại nghiêm trọng gây ra cản trở đến tiến bộ kinh tế của các nước kém phát triển là mức độ quan liêu liên quan đến hầu hết các vấn đề công cộng. Thị thực nhập cảnh và giấy phép cư trú đều gây khó dễ mỗi xin được. Các thương nhân không muốn phải hỏi hộ hoặc để có thể liên hệ được đúng đối tượng đã phải đợi lâu đến một năm. Giấy phép kinh doanh còn phải qua nhiều khâu khăn hơn nữa mỗi xin được, và giấy phép xuất cảnh cho những người thương trú muốn đi ra nước ngoài phải xin trước hàng tháng. Tình hình này không nhất thiết chỉ xảy ra ở Việt Nam, mà đây là hiện tượng chung

tồn tại ở hầu như bất kỳ một nước đang phát triển nào khác. Trở lại khu Kandla của Ấn-dô, trong số sự việc chịu trách nhiệm về việc Khu này bị giới hạn trong thành công phải kể đến những khó khăn phát sinh từ nhiều cấp chính quyền và thiếu sự kết hợp giữa các cơ quan có trách nhiệm về điện, về hành chính, về cảng và các phương tiện khác.

Một tổ chức đặc biệt của khu và đặc biệt là tập trung hóa về quyền hạn vào các cơ quan hành chính của khu, đó là một điều kiện cần thiết để phương án này thu được thắng lợi. Về lĩnh vực này, mô hình KCXK của Đài Loan là một điển hình nổi nhất. Tùy theo mức độ điều hành như mong muốn, cơ cấu này có thể được bổ sung sửa đổi để phù hợp với nhu cầu cụ thể.

## B. VẤN ĐỀ CHÍNH SÁCH LAO ĐỘNG

Hình như đã có một mô hình phát triển về chính sách lao động trong KCX, đặc biệt là các khu KCXK và KCXM. Ngay từ ban đầu để đảm bảo một môi trường không có đình công đã phải áp đặt những biện pháp nghiêm khắc chặt chẽ. Ví dụ, không cho phép một cuộc đình công nghiêm trọng nào và mọi tranh chấp về lao động ở trong khu phải được giải quyết bằng những quy định đặc biệt. Sau một số năm, người ta đã đưa ra những cải tiến dần dần như lập thêm Vụ thứ Năm trong khu KCXK và khuyến khích tổ chức công đoàn trong công nhân của khu.

Vấn đề lao động thực sự là một sự việc rất nhạy bén, đặc biệt là ở một địa điểm như ở KCX. Người ta hình dung ra một cộng đồng, ví dụ có trên ba mươi ngàn công nhân thuộc nhiều nhà máy được hưởng các chế độ lương và phúc lợi khác nhau do nhiều người thuê khác nhau. Nhưng do nguồn thông tin tự do giữa các công nhân, bất kỳ những thay đổi mới nào khác với định mức chắc chắn sẽ gây ra ảnh hưởng gián đoạn vào toàn thể lực lượng công nhân này.

Đối với vấn đề quản lý của khu, ngoài hai lĩnh vực được đề cập tóm tắt trên đây, chắc chắn còn có nhiều lĩnh vực còn có thể thảo luận như thanh toán ngoại hối, biện pháp ngăn ngừa buôn lậu, phương tiện vận tải và lưu kho tàng, quy tắc y tế và vệ sinh, quản lý ô nhiễm, v.v.. Tuy nhiên, hầu hết những vấn đề kỹ thuật này có thể ứng dụng từ những khu thành công hiện có như KCXK, KCXM mà không phải bổ sung sửa đổi nhiều và bẩn sao của hầu hết những quy tắc này được giới thiệu ở Phụ lục để tham khảo.

#### **IV. NHẬN XÉT KẾT LUẬN**

Qua thảo luận của chúng ta và những bài học kinh nghiệm đã được rút ra trên đây, rõ ràng là việc thành lập KCX là thiết yếu đối với kế hoạch phát triển kinh tế của Việt Nam. KCXK đã phải mất năm năm để đạt tới mục tiêu là 46 triệu đô la Mỹ và có việc làm cho trên 40 ngàn người, mang lại một khoản thu nhập hàng năm trên 31 triệu đô la Mỹ trong ngoại hối. Nếu có một môi trường thuận lợi, với một khu tương tự, Việt Nam có thể hy vọng gặt hái được những kết quả tương tự vào cùng một thời kỳ hoặc có thể ngắn hơn. Trò ngai chủ yếu tuy vậy vẫn còn là vấn đề chính trị. Việc phát triển trong tương lai phụ thuộc vào việc giải quyết được tình trạng bế tắc hiện nay trong quan hệ quốc tế giữa Việt Nam và thế giới Tây phương. Trừ khi mối quan hệ thuận lợi được thiết lập nếu không moi có gắng để thu hút đầu tư của nước ngoài sẽ mang lại rất ít hiệu quả.

Chúng ta có thể làm được gì hiện nay để chuẩn bị cho những việc cần thiết để xây dựng được một khu như vậy, khi tính hình cho phép. Để bắt đầu, phải có một kế hoạch chi tiết, địa điểm trong tương lai của một khu nên được khảo sát. Nguồn quỹ cho công việc xây dựng, nhà đầu tư tương lai, sản phẩm có lợi nhuận và tiềm năng của thị trường, tất cả những việc này phải được khảo sát chu đáo. Dù sao ta cũng phải luôn luôn nhớ rằng bài kỹ điều gì đưa vào KCX sẽ nằm trong bốn bức tường của khu. Ta có thể luôn luôn học được từ kinh nghiệm và từ sai lầm trong quá khứ để cải tiến tốt hơn. KCX sẽ tạo ra một môi trường được điều khiển tuyệt hảo để đưa vốn đầu tư nước ngoài vào dưới con mắt theo dõi của những nước chủ nhà. Những lợi ích có thể được khai thác trong khí hậu hương tiêu cực sẽ bị hạn chế hoặc được loại bỏ.

Trong thời kỳ cất cánh lần thứ hai nay của Việt Nam, vai trò của KCX thực sự quan trọng. Để theo kịp được với những nước láng giềng khác năng động hơn ở giải Á Châu - Thái Bình dương, KCX không con nghĩ ngờ gì nữa là một trong những chiến lược phát triển hấp dẫn và hùng hậu đối với các nhà đề ra chính sách và kế hoạch của Việt Nam. Việc thành lập một KCX không phải là thuốc bách bệnh với mọi vấn đề, tuy nhiên nếu vạch ra kế hoạch chu đáo có được nhiều "hiệu quả trong đầu mối" có thể đạt được như đào tạo một lực lượng công nhân lớn và thiết lập được nhiều ngành hoạt động liên quan. Hơn nữa một khu mới có thể được sử dụng làm một mô hình cho học tập đối với các đơn vị bên ngoài khu. Do đó hoạt động của khu phải được gắn liền vào một chương trình phát triển kinh tế có tầm vóc lớn và toàn diện và phải được phối hợp với những phương án

quan trọng khác. Tất cả những điều này sẽ đạt được vào một ngày nào đó và cái ngày ấy chắc chắn sẽ không còn xa xôi nữa...

Người dịch: VŨ NGỌC QUÝNH